Trung tâm Công báo và Tin học
Văn phòng Ủy ban Nhân dân, Tỉnh Quảng Ngãi
17.01.2023 11:45:46 +07:00

Ký bởi: Văn phòng Ủy ban Nhân dân
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 17/01/2023 09:04:05

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **VĂN PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 83 /VP-TTHC	*Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 01 năm 2023*
V/v tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2022	

HỎA TỐC

Kính gửi: Sở Nội vụ

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 2058/SNV-CCHC&CTTN ngày 12/12/2022 về việc đề nghị tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2022; căn cứ Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương" giai đoạn 2022 - 2030, Văn phòng UBND tỉnh tự đánh giá, chấm điểm một số tiêu chí, tiêu chí thành phần theo nhiệm vụ được giao để xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2022 của tỉnh Quảng Ngãi như sau:

- Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của tỉnh Quảng Ngãi đối với tiêu chí: "*3. Cải cách thủ tục hành chính*" và phối hợp cung cấp, chấm điểm đối với tiêu chí thành phần: 1.7. Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ; 7.2.3. Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh; 7.3.1.Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định"; 7.3.4. Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC; 7.3.5.Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 7.3.6. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình; 7.3.7. Thực hiện thanh toán trực tuyến.

- Các tài liệu kiểm chứng gửi kèm theo bảng tổng hợp.

(*Có file điện tử bảng tổng hợp kết quả và các tài liệu kiểm chứng được gửi qua địa chỉ email: hqtrung-snv@quangngai.gov.vn*)

Kính gửi Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- VPUB: CVP, PCVP, NC, KTTH, HCQT, CBTH;
- Lưu: VT, TTHC.

CHÁNH VĂN PHÒNG

VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Vũ Minh Tâm

Phụ lục

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022 THUỘC LĨNH VỰC PHÂN CÔNG CỦA VĂN PHÒNG UBND TỈNH

(Kèm theo Công văn số 83 /VP-TTHC ngày 16/01/2023 của Văn phòng UBND tỉnh)

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Giải trình
1	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC**			
1.7	**Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ.**	**1.50**	1.50	Có giải trình bổ sung kèm theo.
3	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**			
3.1	**Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)**	**1.00**		
3.1.1	Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền: 0.50	0.5	0.5	Trong năm 2022, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã xây dựng (*gồm: thực hiện đánh giá tác động TTHC và thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật*) và trình HĐND tỉnh 01 văn bản quy phạm pháp luật quy định về TTHC theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020, được thể hiện tại Khoản 1 Mục I Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và kết quả chuẩn hóa, điện tử hóa chế độ báo cáo, triển khai Hệ thống thông tin báo cáo năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể: Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh.

3.1.2	Có các kiến nghị cải cách TTHC, kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung VBQPPL quy định TTHC trong năm đánh giá: 0.50	0.5	0.5	- Trong năm 2022, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 28/01/2022 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Qua rà soát, tổng số TTHC kiến nghị phương án đơn giản hóa của tỉnh là 07 TTHC (biểu mẫu rà soát và tính toán chi tiết tại phụ lục kèm theo), với lợi ích tiết kiệm chi phí tuân thủ TTHC: 138.770.382 đồng/năm và tỷ lệ cắt giảm chi phí 12,26%; đồng thời, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 03 quyết định phê duyệt Danh mục TTHC được rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định của Trung ương của 08 TTHC trong lĩnh vực lưu trú, dịch vụ du lịch, việc làm, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở: Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ (được thể hiện tại Khoản 3 Mục I Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh). - UBND tỉnh có Báo cáo số 230/BC-UBND ngày 16/12/2022 tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi gửi và kiến nghị các Bộ có liên quan.
3.2	**Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ**	**3.0**		
3.2.1	Công bố TTHC, danh mục TTHC theo quy định	0.5	0.5	Trong năm 2022, tỉnh Quảng Ngãi đã công bố đầy đủ, kịp thời TTHC, Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết; Danh mục TTHC thực hiện tại Bộ phận Một cửa của các cấp chính quyền, được báo cáo tại điểm a khoản 2 Mục I và khoản 3 Mục II Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh, cụ thể: Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 43 quyết định công bố kịp thời danh mục 912 TTHC mới ban hành, 195 TTHC sửa đổi, bổ sung và 49 TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của 15 cơ quan, đơn vị và địa phương.
3.2.2	Công khai TTHC và các quy định có liên quan	**1.5**		
	Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Cổng DVC quốc gia: 0.50	0.5	0.5	Trong năm 2022, thực hiện nhập kịp thời TTHC được công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và đăng tải công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, cụ thể: Tích hợp, nhập và công khai mới,

				sửa đổi, bổ sung thông tin của 1.107 TTHC và bãi bỏ 49 TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, được báo cáo tại điểm c khoản 2 Mục I Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh.
	Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Cổng DVC của tỉnh và các Website của cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC: 0.75	0.75	0.75	
	+ Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Cổng DVC của tỉnh thì đạt 0.25 điểm;	0.25	0.25	Tất cả TTHC sau khi Chủ tịch UBND tỉnh công bố đều được công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của các cơ quan, địa phương, được báo cáo tại điểm b Khoản 2 Mục I Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh, cụ thể: - Các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh và Bộ phận Một cửa các cấp đều được đăng tải công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, địa chỉ: https://dichvucong.quangngai.gov.vn. - Đồng thời, tất cả TTHC đều được công khai tại mục "THỦ TỤC HÀNH CHÍNH" trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi bằng cách liên kết với mục tra cứu TTHC của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; tất cả quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC, danh mục TTHC đều đăng tải công khai tại mục "Văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh Quảng Ngãi" tại địa chỉ: http://vanban.quangngai.gov.vn/.
	+ 100% Trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh công khai đầy đủ, kịp thời TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết thì CỘNG THÊM 0.25 điểm.	0.25	0.25	Tất cả TTHC sau khi Chủ tịch UBND tỉnh công bố đều được công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của các cơ quan, địa phương, được báo cáo tại điểm b Khoản 2 Mục I Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh, cụ thể: - 100% sở, ban ngành của tỉnh đều công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị bằng cách tạo mục công khai TTHC để liên kết với mục tra

				cứu TTHC của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc tạo công khai riêng đối với TTHC. - Đồng thời, tất cả TTHC đều được công khai tại mục "THỦ TỤC HÀNH CHÍNH" trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi bằng cách liên kết với mục tra cứu TTHC của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; tất cả quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC, danh mục TTHC đều đăng tải công khai tại mục "Văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh Quảng Ngãi" tại địa chỉ: http://vanban.quangngai.gov.vn/.
	+ 100% Cổng/Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện công khai đầy đủ, kịp thời TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết thì CỘNG THÊM 0.25 điểm.	0.25	0.25	Tất cả TTHC sau khi Chủ tịch UBND tỉnh công bố đều được công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của các cơ quan, địa phương, được báo cáo tại điểm b Khoản 2 Mục I Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh, cụ thể: - 100% các huyện, thị xã, thành phố đăng tải công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang thông tin điện tử của địa phương bằng cách tạo mục công khai TTHC để liên kết với mục tra cứu TTHC của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc tạo công khai riêng đối với TTHC. - Đồng thời, tất cả TTHC đều được công khai tại mục "THỦ TỤC HÀNH CHÍNH" trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi bằng cách liên kết với mục tra cứu TTHC của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; tất cả quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC, danh mục TTHC đều đăng tải công khai tại mục "Văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh Quảng Ngãi" tại địa chỉ: http://vanban.quangngai.gov.vn/.
	Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời tại Bộ phận Một cửa các cấp: 0.25	0.25	0.25	Năm 2022, các TTHC sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh công bố, 100% các sở, ban ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã (20 sở, ngành; 13 huyện, thị xã, thành phố; 173 xã, phường, thị trấn) đều thực hiện niêm yết công khai đầy đủ, đúng quy định tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh, Bộ phận Một cửa của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp

				huyện, cấp xã. Bên cạnh việc công khai TTHC, các cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện đăng tải công khai, niêm yết bảng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân về quy định hành chính để đảm bảo quyền được phản ánh, kiến nghị của người dân khi thực hiện TTHC. Được báo cáo tại điểm b Khoản 2 Mục I Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh.
3.2.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	1.00		
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được đồng bộ, công khai trên Cổng DVC quốc gia, đạt tối đa 0.50 điểm. Tính điểm theo công thức: (b/a)* 0.50. Trong đó: a là Tổng số hồ sơ TTHC phải đồng bộ, công khai trên Cổng DVC quốc gia theo yêu cầu. b là Số hồ sơ TTHC đã đồng bộ, công khai trên Cổng DVC quốc gia.	0.50	0.50	Chủ tịch UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện việc đồng bộ trạng thái, kết quả xử lý hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia, đảm bảo 100% tiến độ, kết quả giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh phải được đồng bộ và công khai đầy đủ, kịp thời trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; kết quả theo thống kê trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thì tỷ lệ hồ sơ TTHC được đồng bộ, công khai trên Cổng DVC quốc gia, cụ thể: - Tổng số hồ sơ TTHC phải đồng bộ, công khai trên Cổng DVC quốc gia theo yêu cầu (a): 176.547 hồ sơ - Số hồ sơ TTHC đã đồng bộ, công khai trên Cổng DVC quốc gia (b): 176.547 hồ sơ. Như vậy, tính điểm theo công thức: (176.547/176.547)*0.50 = 0.50 điểm. Tài liệu kiểm chứng: - Được triển khai thực hiện tại điểm c khoản 3 Công văn số 972/UBND-KSTTHC ngày 11/3/2021 và điểm a khoản 2 Công văn số 3220/UBND-KSTTHC ngày 08/7/2021, Công văn số 5064/UBND-TTHC ngày 07/10/2022. - Được báo cáo điểm a khoản 6 Mục II Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh.

				- Hình ảnh hiện thị hồ sơ đồng bộ của tỉnh Quảng Ngãi trên Hệ thống quản trị Cổng Dịch vụ công quốc gia.
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan hành chính các cấp tại địa phương tiếp nhận, giải quyết được công khai trên Cổng DVC của tỉnh: 0.50	0.50	0.5	* Ngoài các TTHC, nhóm TTHC tại một số lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của một số sở, ban và địa phương theo quy định phải thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết hồ sơ và công khai tại các phần mềm của các Bộ, ngành như: (1) Cổng Dịch vụ công quốc gia; (2) dangkyquamang.dkkd.gov.vn (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); (3) mstt.mof.gov.vn (Hệ thống cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); (4) qlvt.mt.gov.vn, (5) vnsw.gov.vn, (6) dichvucong.gplx.gov.vn, (7) motcua.mt.gov.vn (Bộ Giao thông vận tải); (8) Lltp.moj.gov.vn (Hệ thống quản lý lý lịch tư pháp dùng chung (Bộ Tư pháp); (9) phần mềm quản lý hộ tịch dùng chung của Bộ Tư pháp; (10) phần mềm công chứng, chứng thực của Bộ Tư pháp; (11) dmec.moh.gov.vn/ (Hệ thống dịch vụ công trực tuyến về quản lý trang thiết bị y tế của Bộ Y tế); (12) Hệ thống quản lý và cấp giấy chứng nhận xuất xứ điện tử (EcoSys) của Bộ Công Thương; (13) dvcquyhoach.xaydung.gov.vn (Hệ thống cung cấp thông tin quy hoạch toàn quốc của Bộ Xây dựng); (14) capphep.xaydung.gov.vn (Dịch vụ công trực tuyến cấp giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ của Bộ Xây dựng thì các hồ sơ TTHC còn lại đều được các sở, ban ngành và địa phương thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết và công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://motcua.quangngai.gov.vn). * Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan hành chính các cấp tại địa phương tiếp nhận, giải quyết được công khai trên Cổng DVC của tỉnh từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/12/2022, được tính như sau: - Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết trong năm (cả cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã): 538.651 hồ sơ. - Số hồ sơ TTHC đã công khai kết quả giải quyết trên Cổng DVC của tỉnh: 538.651 hồ sơ. Như vậy, điểm tính tỷ lệ hồ sơ TTHC là: (538.651/538.651)*0.50 = **0.50.** * Việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC

				của các sở, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cập nhật và công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.quangngai.gov.vn) tại hai mục "Tra cứu hồ sơ", mục "Thông báo" (gồm: "Thông báo hồ sơ đã giải quyết xong; Thông báo bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ ; Thông báo tạm dừng giải quyết; Thông báo trả hồ sơ không giải quyết") và trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. * Ngoài ra, Hệ thống tổng đài của Trung tâm và Bộ phận Một cửa cấp huyện đã thông báo hơn 100.000 tin nhắn (SMS) về số điện thoại đăng ký thực hiện TTHC để mời người dân, doanh nghiệp đến nhận kết quả giải quyết trước hạn, thông báo xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, thông báo trả hồ sơ không giải quyết, thông báo bổ sung hồ sơ, tạm dừng xử lý hồ sơ, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, hạn chế tình trạng người dân, doanh nghiệp đi lại nhiều lần. Đồng thời, tổ chức, cá nhân có thể tra cứu tiến độ giải quyết hồ sơ nhanh qua mạng Zalo, qua Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị và địa phương (được liên kết với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh); tra cứu tiến độ hồ sơ qua tổng đài điện thoại của Trung tâm (0255 3935555) và số điện thoại trực của Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã. Tài liệu kiểm chứng: - Được báo cáo điểm a khoản 6 Mục II Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh. - Hình ảnh tin nhắn được Hệ thống tổng đài của Trung tâm và UBND các huyện, thị xã, thành phố tự động nhắn tin gửi đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc thông báo giải quyết xong hồ sơ hoặc giải quyết trước thời hạn hẹn trả theo quy định hoặc thông báo trả hồ sơ không giải quyết.
3.3	**Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông**	**3.00**		
3.3.1	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	**1.00**		

	Đạt 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh: 0.25	0.25	0.25	100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban ngành thuộc tỉnh đều thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa của cơ quan, đơn vị mình, được báo cáo tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Mục II Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh. Trừ những TTHC đặc thù theo quy định tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, tỉnh Quảng Ngãi đã đưa vào tiếp nhận, trả kết quả giải quyết 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 16/16 sở thuộc tỉnh tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh và 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi đưa vào tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa của Ban Quản lý.
	Đạt 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện: 0.50	0.50	0.50	Trừ những TTHC đặc thù theo quy định tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ thì tất cả TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 13/13 huyện, thị xã, thành phố được tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện, được báo cáo tại điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Mục II Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh.
	Đạt 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã: 0.25	0.25	0.25	Trừ những TTHC đặc thù theo quy định tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ thì tất cả TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 173/173 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh được tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã, được báo cáo tại điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Mục II Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh .
3.3.2	Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt	0.5	0.5	* Thực hiện theo Danh mục TTHC được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh, Bộ phận

				Một cửa cấp huyện, cấp xã; tỉnh Quảng Ngãi đã đưa vào thực hiện tiếp nhận 41 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh vào thực hiện tại Bộ phận Một cửa các cấp. Do đó tỷ lệ thực hiện được tính như sau: - Số TTHC ngành dọc thực hiện tại Bộ phận Một cửa các cấp là 41 TTHC. - Tổng số TTHC tỉnh Quảng Ngãi phải thực hiện theo danh mục tại Quyết định 1291/QĐ-TTg là 41/50 TTHC (do có 09 TTHC đã bị bãi bỏ: 02 TTHC trong lĩnh vực cấp, quản lý chứng minh nhân dân được bãi bỏ tại Quyết định số 5947/QĐ-BCA-C06 ngày 19/7/2021; 02 TTHC trong lĩnh vực động viên quân đội được bãi bỏ tại Quyết định số 864/QĐ-BQP ngày 23/3/2021 của Bộ Quốc phòng; 02 TTHC trong lĩnh vực dân quân tự vệ Quyết định số 2910/QĐ-BQP ngày 21/9/2020 của Bộ Quốc phòng; 01 TTHC trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và 02 TTHC trong lĩnh vực chính sách được bãi bỏ tại Quyết định số 6184/QĐ-BQP ngày 28/12/2019 của Bộ Quốc phòng. Như vậy, tỷ lệ số TTHC trong Danh mục đã đưa ra thực hiện tại Bộ phận Một cửa các cấp là (41/41)*100% = **100%**. (trên 90%) * Ngoài ra, tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh đã triển khai giải quyết TTHC của ngành Thuế, Kho bạc Nhà nước: - Việc giải quyết TTHC về khai báo thuế, nhận thông báo thuế, thực hiện các nghĩa vụ tài chính về đất đai ngay tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thuế thành phố. - Việc thu tiền sử dụng đất nộp vào ngân sách Nhà nước được thực hiện qua Kho bạc Nhà nước. - Việc thu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính về đất đai được Ngân hàng Vietcombank Quảng Ngãi thu hộ, quản lý chuyển về cơ quan, Kho bạc Nhà nước. Tài liệu kiểm chứng:

				Nội dung này được UBND tỉnh báo cáo Văn phòng Chính phủ tại khoản 4 Mục II Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh.
	Từ 90% số TTHC trở lên: 0.50			
3.3.3	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	**0.75**		
	Từ 50 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên: 0.75	0.75	0.75	Tỉnh Quảng Ngãi thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết đối với 271 TTHC, nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp hành chính trên địa bàn tỉnh, được công bố tại các quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh (*có Danh mục cụ thể kèm theo*).
3.3.4	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	**0.75**		
	Từ 30 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên: 0.75	0.75	0.75	Tỉnh Quảng Ngãi thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết đối với 116 TTHC, nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền khác nhau trên địa bàn tỉnh, được công bố tại các quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh (*có Danh mục cụ thể kèm theo*).
3.4	**Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC**	**5.00**		
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	**1.5**	1.4542	- Tổng số hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm 2022 được giải quyết trước hạn, đúng hạn (hồ sơ đã xử lý) và trong hạn (hồ sơ đang xử lý): 102.689 + 252.559 + 10.744 = 365.992 hồ sơ. - Tổng số hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh đã tiếp nhận trong năm 2022: 377.528 hồ sơ. - Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn: 365.992/377.528 * 100% = 96,94%. Báo cáo số liệu tại Biểu số II.06c/VPCP/KSTT kèm theo Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh.
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải	**1.5**	1.4695	- Tổng số hồ sơ do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm 2022 được giải quyết trước hạn, đúng hạn (hồ sơ đã xử lý) và trong hạn

	quyết đúng hạn			(hồ sơ đang xử lý): 14.939 + 34569 + 2539 = 52.047 hồ sơ. - Tổng số hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện đã tiếp nhận trong năm 2022: 53.127 hồ sơ. - Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn: 52.047/53.127 * 100% = 97,97%. Báo cáo số liệu tại Biểu số II.06c/VPCP/KSTT kèm theo Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh
3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	**1.00**	0.9964	- Tổng số hồ sơ do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm 2022 được giải quyết trước hạn, đúng hạn và trong hạn: 277.493 + 414474 + 671 = 692.638 hồ sơ. - Tổng số hồ sơ TTHC do UBND cấp xã đã tiếp nhận trong năm 2022: 695.171 hồ sơ. - Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn: 692.638/695.171*100% = 99,64%. Báo cáo số liệu tại Biểu số II.06c/VPCP/KSTT kèm theo Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh.
3.4.4	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	**0.25**		
	Đầy đủ, đúng quy định: 0.25	0.25	0.25	- Năm 2022, đối với hồ sơ bị giải quyết quá thời hạn quy định các cơ quan, đơn vị và địa phương có thẩm quyền giải quyết TTHC ban hành thông báo xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả để gửi tổ chức, cá nhân biết; việc thông báo xin lỗi được cập nhật vào phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và đăng tải công khai tại mục mục "Thông báo" (Thông báo xin lỗi hồ sơ trễ hạn) tại địa chỉ: https://dichvucong.quangngai.gov.vn/vi/notification/dossier/late?keyword. - Đồng thời, Hệ thống tổng đài của Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện tự động nhắn tin (SMS) xin lỗi đến số điện thoại để cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ TTHC biết. - Nội dung này được báo cáo tại điểm b Khoản 6 Mục II Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh và một số hình ảnh về việc hệ thống tổng đài của Trung tâm tự động nhắn tin xin

				lỗi gửi đến tổ chức, cá nhân khi trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC.
3.4.5	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương			
	Nếu từ 80% - 100% CQCM cấp tỉnh đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên thì điểm đánh giá là 0.25	**0.25**	0.25	- Việc đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương được thực hiện qua thiết bị Tablet hoặc Phiếu đánh giá đặt tại quầy tiếp nhận hồ sơ hoặc có thể đánh giá mức độ hài lòng qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, tại địa chỉ: https://dichvucong.quangngai.gov.vn. - Trong năm 2022, các sở, ban ngành đều được đánh giá tốt trở lên, cụ thể: Tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC tỉnh có 38.595 lượt đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về quá trình giải quyết TTHC, trong đó đánh giá rất hài lòng và đánh giá hài lòng là 38.566 lượt (chiếm tỷ lệ **99,92%**); đánh giá bình thường: 29 lượt (0,08%). Nội dung này được báo cáo tại Khoản 7 Mục II Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh và một số hình ảnh về thiết bị Tablet và Phiếu đánh giá đặt tại quầy tiếp nhận hồ sơ để tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng trong quá trình giải quyết TTHC của tỉnh Quảng Ngãi.
	Nếu từ 80% - 100% UBND cấp huyện đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên thì điểm đánh giá CỘNG THÊM 0.25 điểm	**0.25**	0.25	- Việc đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương được thực hiện qua thiết bị Tablet hoặc Phiếu đánh giá đặt tại quầy tiếp nhận hồ sơ hoặc có thể đánh giá mức độ hài lòng qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, tại địa chỉ: https://dichvucong.quangngai.gov.vn. - Trong năm 2022, tất cả 13/13 UBND các huyện, thị xã, thành phố đều được đánh giá tốt trở lên, cụ thể: Tại Bộ phận Một cửa cấp huyện có 23.384 lượt đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về quá trình giải quyết TTHC, trong đó đánh giá rất hài lòng và đánh giá hài lòng là 23.317 lượt (chiếm tỷ lệ **99,71%**); đánh giá bình thường, không hài lòng: 67 lượt (0,29%).

				- Nội dung này được báo cáo tại Khoản 7 Mục II Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh và kèm theo một số hình ảnh về thiết bị Tablet và Phiếu đánh giá đặt tại quầy tiếp nhận hồ sơ để tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng trong quá trình giải quyết TTHC của tỉnh Quảng Ngãi.
	Nếu từ 80% - 100% UBND cấp xã đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên thì điểm đánh giá CỘNG THÊM 0.25 điểm	**0.25**	0.25	- Việc đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân trong quá trình giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương được thực hiện qua thiết bị Tablet hoặc Phiếu đánh giá đặt tại quầy tiếp nhận hồ sơ hoặc có thể đánh giá mức độ hài lòng qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, tại địa chỉ: https://dichvucong.quangngai.gov.vn. - Trong năm 2022, tất cả 173/173 UBND các xã, phường, thị trấn đều được đánh giá tốt trở lên, cụ thể: Tại Bộ phận Một cửa cấp xã có 126.210 lượt đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về quá trình giải quyết TTHC, trong đó đánh giá rất hài lòng và đánh giá hài lòng là 125.711 lượt (chiếm tỷ lệ **99,6%**); đánh giá bình thường, không hài lòng: 499 lượt (0,4%). - Nội dung này được báo cáo tại Khoản 7 Mục II Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh và một số hình ảnh về thiết bị Tablet và Phiếu đánh giá đặt tại quầy tiếp nhận hồ sơ để tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng trong quá trình giải quyết TTHC của tỉnh Quảng Ngãi.
3.5	**Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh**	**1.00**		
3.5.1	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	0.75	0.75	Nội dung được báo cáo tại Khoản 4 Mục I Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh (Biểu số II.05b/VPCP/KSTT) và thống kê trên Hệ thống phản ánh kiến nghị của Chính phủ (https://pakn.dichvucong.gov.vn), cụ thể: - Tổng số kiến nghị phải trả lời: 201. - Số kiến nghị đã được trả lời: 200. - Số kiến nghị đang trả lời còn thời hạn giải quyết theo quy định:

				01; cụ thể: Phản ánh có mã số PAKN.20221213.0040, tiếp nhận trên Hệ thống phản ánh kiến nghị của Chính phủ ngày 14/12/2022 và đã có kết quả trả lời, công khai vào ngày 13/01/2023 trên Hệ thống. Do đó, phản ánh này đã hoàn thành việc trả lời theo quy định. Do vậy, điểm đạt được: (201/201)*0.75= 0.75 điểm. Kính mong Hội đồng xem xét, công nhận.
3.5.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh	0.25	0.25	Trong năm 2022, các phản ánh tiếp nhận, xử lý tại Hệ thống phản ánh, kiến nghị của Chính phủ đều được trả lời và công khai trên Hệ thống (https://pakn.dichvucong.gov.vn) và Cổng Dịch vụ công quốc gia; trường hợp gửi đơn trực tiếp thì gửi văn bản thông báo cho cá nhân, tổ chức có phản ánh hoặc đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, địa phương; trường hợp tiếp nhận qua số điện thoại đường dây nóng phản ánh về TTHC thì phối hợp giải quyết trả lời trực tiếp, ngay tại chỗ nên không thực hiện công khai. Nội dung được báo cáo tại Khoản 4 Mục I Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh.
7.2.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	**1.50**		
	Hệ thống thông tin báo cáo đáp ứng đầy đủ chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định: 0.50	0.50	0.50	- Hiện tại, Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Ngãi đã xây dựng, đáp ứng đầy đủ chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định, tại địa chỉ: baocao.quangngai.gov.vn. - Được báo cáo tại khoản 3 Mục IV Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh; Công văn số 781/UBND-KSTTHC ngày 28/02/2020; Công văn số 1130/UBND-KSTTHC ngày 19/3/2020 và Công văn số 5190/UBND-KSTTHC ngày 26/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh; Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
	Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu của tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ,	1.00	1.00	Hiện tại, Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Ngãi đã kết nối đạt 100% số chỉ tiêu các chế độ báo cáo của UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo

	Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: 1.00 Tính theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số chế độ báo cáo, nội dung thông tin, dữ liệu yêu cầu phải kết nối, cung cấp. b là số lượng chế độ báo cáo, nội dung thông tin, dữ liệu đã kết nối, cung cấp đầy đủ, kịp thời.			điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Được báo cáo tại khoản 3 Mục IV Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh.
7.3.1	Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	**0.50**		
	Đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định: 0.25	0.25	0.25	- Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi (https://quangngai.gov.vn) đã đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. - Có hình ảnh và file minh chứng kèm theo.
	Đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6: 0.25	0.25	0.25	- Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện chuyển đổi sang công nghệ IPv6. - Có hình ảnh và file minh chứng kèm theo.
7.3.4	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	**1.00**		
	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh đạt tối thiểu 30%: 0.50	0.50	0.50	- Số hồ sơ tiếp nhận thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đối với lĩnh vực đăng ký kinh doanh: 53.547+ 5.506 = 59.053 hồ sơ. - Số hồ sơ thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử: 31.771 hồ sơ.

				Như vậy, tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh đạt: (31.771/59.053)*100% = 63,12%. Tài liệu kiểm chứng: - Được báo cáo tại khoản 9 Mục II Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh. - Danh mục thống kê số lượng tiếp nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. - Danh mục thống kê số lượng tiếp nhận Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư). - Danh mục thống kê hồ sơ được số hóa.
	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện đạt tối thiểu 20%: 0.25	0.25	0.25	UBND tỉnh đã triển khai thực hiện công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa cấp huyện từ ngày 01/12/2022 theo Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh, Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 14/10/2021 và đúng lộ trình của Chính phủ theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 (*Công văn số 1717/STTTT-BCVT&CNTT ngày 22/11/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông*), cụ thể như sau: - Số hồ sơ tiếp nhận thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh từ ngày 01/12/2022 đến ngày 31/12/2022: 4.402 hồ sơ và số hồ sơ thực hiện dịch vụ chứng thực điện tử bản sao từ bản chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 4.142 hồ sơ; do vậy, tổng số hồ sơ: 4402+ 4142 = 8.544 hồ sơ. - Số hồ sơ thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử: 6.918 hồ sơ. Như vậy, tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử: (6.918/8.544)*100% = 80,97% (trên 20%). Do vậy, điểm đạt được 0.25 điểm.
	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc	0.25	0.25	UBND tỉnh đã triển khai thực hiện công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa cấp xã từ ngày 01/12/2022 (*Công văn số 1717/STTTT-BCVT&CNTT ngày 22/11/2022 của Sở*

	thẩm quyền giải quyết của cấp huyện đạt tối thiểu 20%: 0.25			*Thông tin và Truyền thông*), sớm hơn so với lộ trình số hóa của Chính phủ theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 và Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh, Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 14/10/2021 (lộ trình theo quy định tại Bộ phận Một cửa cấp xã từ ngày 01/6/2023), số liệu cụ thể: - Số hồ sơ tiếp nhận thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh từ ngày 01/12/2022 đến ngày 31/12/2022: 19.063 hồ sơ. - Số hồ sơ thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử: 13.028 hồ sơ. Như vậy, tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử: (13.028/19.063)*100%= 68,34% (trên 20%). Do vậy, điểm đạt được 0.25 điểm.
7.3.5	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	**0.50**		
	Điểm đạt được tính theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình. b là số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Nếu b/a <0.90 thì điểm đánh giá là 0.	0.5	0.5	* Căn cứ danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình tại Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 29/07/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, đã hoàn thành tích hợp, cung cấp tất cả các dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, gồm: 206 DVC toàn trình (*trong đó, có một số DVC đồng thời được triển khai thực hiện trên các Hệ thống của Bộ, như: https://Lltp.moj.gov.vn (Hệ thống quản lý lý lịch tư pháp dùng chung (Bộ Tư pháp)), Hệ thống cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính): https://mstt.mof.gov.vn, Hệ thống Dịch vụ công đổi giấy phép lái xe, cấp giấy phép lái xe quốc tế (Bộ Giao thông vận tải): dichvucong.gplx.gov.vn, Cổng thông tin một cửa quốc gia tại địa chỉ https://vnsw.gov.vn, dvcquyhoach.xaydung.gov.vn của Bộ Xây*

				dựng). Ngoài Cổng Dịch vụ quốc gia, tỉnh Quảng Ngãi thực hiện riêng việc tiếp nhận, trả kết quả giải quyết tại các Hệ thống của các Bộ, cụ thể: 51 DVC toàn trình tiếp nhận và thực hiện tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư): https://dangkykinhdoanh.gov.vn; 06 DVC trên tiếp nhận và thực hiện tại Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải: qlvt.mt.gov.vn; 08 DCV tiếp nhận và thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Bộ Công an tại địa chỉ: https://dichvucong.bocongan.gov.vn). Do đó: - Số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình (a): 271 DVC toàn trình. - Số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình (b): 271 DVC, gồm: 206 DVC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, 51 DVC toàn trình tiếp nhận và thực hiện tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư): https://dangkykinhdoanh.gov.vn; 06 DVC trên Tiếp nhận và thực hiện tại Hệ thống dịch vụ công trực tuyến (Bộ Giao thông vận tải): qlvt.mt.gov.vn; 08 DCV toàn trình thực hiện trên Cổng Dịch vụ công Bộ Công an tại địa chỉ: https://dichvucong.bocongan.gov.vn); 01 DVC thực hiện trên hệ thống của Bộ Công Thương tại địa chỉ: https://ecosys.gov.vn. Như vậy, điểm đạt được: (271/271)*0.5 = 0.5 điểm.
7.3.6	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	**1.50**		
	Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVC trực tuyến toàn trình (gồm cả trực tuyến và không trực	1.5	0.7485	- Tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVC trực tuyến toàn trình (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến): 42.151+42.319 = 84.470 hồ sơ. - Số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình (không sử dụng bản giấy): 42.151 hồ sơ.

	tuyến). b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình (không sử dụng bản giấy).			Như vậy, điểm đạt được: (42.151/84.470)*1.5 = 0.7485 điểm. Tài liệu kiểm chứng: - Được báo cáo tại điểm a khoản 5 Mục II Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh. - Phụ lục dịch vụ công trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh quảng ngãi năm 2022 kèm theo.
7.3.7	Thực hiện thanh toán trực tuyến	**1.50**		
	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến: 0.50 Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính. b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến.	0.50	0.2435	Theo thống kê trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thì TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến và 51 DVC toàn trình triển khai thực hiện thanh toán trực tuyến tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư): https://dangkykinhdoanh.gov.vn, cụ thể như sau: - Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (a): 232+298 + 51 = 581 TTHC. - Số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến: 232 + 51 = 283 TTHC. Do vậy, số điểm được tính: (283/581)*0.50 = 0.2435 điểm. Tài liệu kiểm chứng: - Hình ảnh thực hiện thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia của tỉnh Quảng Ngãi. - Được báo cáo tại điểm b khoản 5 Mục II Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh.
	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 0.50 Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	0.50	0.2032	Theo thống kê trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến, cụ thể như sau: - Tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến (a): 283 TTHC. - Số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến (b): 92 + 23 = 115 TTHC. Do vậy, số điểm được tính: (115/283)*0.5 = 0.2032 điểm.

				Tài liệu kiểm chứng: - Hình ảnh thực hiện thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia của tỉnh Quảng Ngãi. - Danh mục dịch vụ công có phát sinh hồ sơ giao dịch thanh toán trực tuyến. - Được báo cáo tại điểm b khoản 5 Mục II Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh.
	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 0.50 Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	0.50	0.0238	Tỉnh Quảng Ngãi thống kê số lượng hồ sơ thanh toán trực tuyến, gồm số lượng hồ sơ thanh toán trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể như sau: - Tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá (a): 73.512+14.565 = 88.168 hồ sơ. - Số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến (b): 4.200 hồ sơ. Như vậy, điểm đạt được: (4.200/88.168)*0.5 = 0.0238 điểm Tài liệu kiểm chứng: - Danh mục dịch vụ công có phát sinh hồ sơ giao dịch thanh toán trực tuyến. - Được báo cáo tại điểm b khoản 5 Mục II Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh.
	TỔNG ĐIỂM	**21.00**	**19.1391**	

DANH MỤC

Thủ tục hành chính, nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền khác nhau trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Công văn số 83 /VPUBND-TTHC ngày 16 /01/2023 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh)

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	SỞ TƯ PHÁP		
	Lĩnh vực công chứng	*Công bố tại:* Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 29/9/2021. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
1	Bổ nhiệm công chứng viên	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp
2	Bổ nhiệm lại công chứng viên		
3	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)		
	Lĩnh vực luật sư	*Công bố tại:* Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 19/8/2022. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
4	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	Sở Tư pháp.	Bộ Tư pháp.
5	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư		
6	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật		

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Luật sư		
7	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khách quan khác mà thông tin trên chứng chỉ hành nghề luật sư bị thay đổi.		
	Lĩnh vực quốc tịch	*Công bố tại:* Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 29/9/2021. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
8	Nhập Quốc tịch Việt Nam	Sở Tư pháp	- Cơ quan quyết định: Chủ tịch nước. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Bộ Tư pháp. - Cơ quan phối hợp: Văn phòng Chính phủ, Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh.
9	Trở lại Quốc tịch Việt Nam		
10	Thôi Quốc tịch Việt Nam ở trong nước		
11	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp, Bộ Công an, UBND cấp xã.
	Lĩnh vực nuôi con nuôi	*Công bố tại:* Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 19/8/2022. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
12	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tư	Bộ Tư pháp
13	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường		

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	pháp.	
	Lĩnh vực lý lịch tư pháp	Công bố tại: Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 19/8/2022. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
14	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam.	Sở Tư pháp.	- Công an tỉnh. - Trung tâm LLTP Quốc gia - Bộ Tư pháp. Trường hợp có án tích phải phối hợp với các cơ quan Tòa án, Thi hành án dân sự, Công an cấp huyện và Trại giam.
15	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam).		
16	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam.		
	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	*Công bố tại*: Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 08/10/2021. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
	Lĩnh vực đầu tư		
17	Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Quốc phòng và Bộ Công an
	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	- *Công bố tại:* Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 14/11/2019. - *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã.	

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Lĩnh vực lao động - tiền lương		
18	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- UBND cấp huyện. - UBND cấp xã.
	Lĩnh vực người có công	*Công bố tại*: Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 04/10/2022.	
19	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	UBND cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
20	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- UBND cấp huyện. - UBND cấp xã. - Sở Nội vụ. - Hội đồng giám định y khoa.
21	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Cơ quan quyết định: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh.	- Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố. - UBND cấp xã.
22	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù,	Cơ quan quyết định: Giám đốc Sở Lao động - Sở Lao	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	đày	động - Thương binh và Xã hội tỉnh.	- UBND cấp xã.
23	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Cơ quan quyết định: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh.	- UBND cấp xã có liên quan. - UBND cấp huyện liên quan. - Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh; - Phòng Nội vụ cấp huyện (Ban Thi đua - Khen thưởng cấp huyện, TP) - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện liên quan.
24	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	Cơ quan quyết định: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh.	- UBND cấp xã có liên quan. - UBND cấp huyện liên quan. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện liên quan.
25	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- UBND cấp xã có liên quan. - Cơ quan quân sự cấp huyện, tỉnh liên quan. - UBND cấp huyện liên

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			quan. - Phòng Lao động - Thương binh Xã hội cấp huyện liên quan. + Cơ quan quản lý Nghĩa trang liệt sĩ.
26	Giải quyết chế độ đối ưu đãi với thân nhân liệt sĩ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. - UBND cấp xã.
27	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Quảng Ngãi.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện liên quan. - Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng.
28	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Cơ quan Bảo hiểm xã hội. - Cục Chính sách, Tổng cục chính trị quân đội nhân dân VN, thủ trưởng Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an. - UBND cấp huyên. - UBND cấp xã.
29	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Cục Chính sách, Tổng cục chính trị quân đội nhân dân VN, thủ trưởng Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
30	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Hội đồng Giám định y khoa. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố. - UBND cấp xã.
31	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện. - UBND cấp xã.
32	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện. - UBND cấp xã.
33	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện. - UBND cấp xã.
34	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	a) Trường hợp do quân đội, công an quản lý: - Cơ quan, đon vị quản lý người có công thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. - Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			b) Trường hợp không do quân đội, công an quản lý: - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. - UBND cấp xã.
35	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. - UBND cấp xã.
36	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. - UBND cấp xã.
37	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công.
38	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- UBND cấp xã - Cơ quan quản lý hồ sơ.
39	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Ban thường vụ Tỉnh ủy - UBND cấp xã.
40	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			- UBND cấp xã.
41	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. - UBND cấp xã.
42	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. - UBND cấp xã.
43	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Cơ quan, đơn vị quản lý liệt sĩ trước khi hi sinh cấp tỉnh. - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.
44	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. - UBND cấp xã.
45	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. - UBND cấp xã.
46	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Hội đồng giám định y khoa - Sở Y tế.
47	Thăm viếng mộ liệt sĩ	UBND cấp huyện	UBND cấp xã
	Lĩnh vực tiền lương	*Công bố tại:* Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày	

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		31/12/2021.	
48	Hỗ trợ người lao động ngừng việc do đại dịch COVID-19	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện
49	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19		
	Lĩnh vực việc làm	*Công bố tại:* Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 07/06/2022.	
50	Hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp do đại dịch COVID-19	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Văn phòng UBND tỉnh.
51	Hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Văn phòng UBND tỉnh. - UBND cấp huyện. - Chi Cục Thuế. - UBND cấp xã.
52	Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động do đại dịch COVID-19	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Cơ quan BHXH.
53	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động quay trở lại thị trường lao động	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Văn phòng UBND tỉnh. - UBND cấp huyện. - Cơ quan BHXH.

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
54	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	- Văn phòng UBND tỉnh. - UBND cấp huyện. - Cơ quan BHXH.
	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
	Lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	*Công bố tại:* Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 01/8/2019. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.	
55	Công nhận làng nghề truyền thống	- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Văn phòng UBND tỉnh. - UBND cấp huyện.
56	Công nhận nghề truyền thống		
57	Công nhận làng nghề		
58	Bố trí ổn định dân cư ngoài tỉnh	- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Văn phòng UBND tỉnh. - UBND cấp huyện. - UBND cấp xã.
59	Hỗ trợ dự án liên kết	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các Sở ngành liên quan. - UBND cấp huyện.

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Lĩnh vực thủy sản	*Công bố tại:* Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 01/8/2019.	
60	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Văn phòng UBND tỉnh. - UBND cấp huyện. - UBND cấp xã.
61	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)		
	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	*Công bố tại:* Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 07/7/2021. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi đối với UBND thành phố Quảng Ngãi; Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện đối với 12 huyện, thị xã còn lại).	
	Lĩnh vực đất đai (do Hộ gia đình, cá nhân thực hiện)		
62	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (*Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án đầu tư mà phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thủ tục này chỉ thực hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ có văn bản chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có Nghị quyết về việc chuyển mục đích sử dụng đất*)	- Cơ quan quyết định: UBND cấp huyện. - Cơ quan thực hiện: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; Phòng Tài nguyên và Môi trường.	- UBND cấp xã. - Cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, công trình xây dựng, nông nghiệp. - Cơ quan thuế. - Kho bạc Nhà nước. - Sở Tài nguyên và Môi trường.
63	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất		

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
64	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân		
65	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu		
66	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định		
67	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	- Cơ quan quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường. - Cơ quan thực hiện: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.	- UBND cấp xã. - Cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, công trình xây dựng, nông nghiệp. - Cơ quan thuế. - Kho bạc Nhà nước. - Phòng Tài nguyên và Môi trường.
68	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận		
69	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề		
70	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế		
71	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu		
72	Tách thửa hoặc hợp thửa đất		
73	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở		

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	và tài sản khác gắn liền với đất		
74	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp		
75	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện		
76	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu		
77	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu		
78	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất		
79	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp		
80	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý		
81	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở		
82	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất,		

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng		
83	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm		
84	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân		
85	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất		
86	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất		
87	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền (xác định lại diện tích đất ở)		
88	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân		
	Lĩnh vực bảo trợ xã hội (UBND cấp huyện)	Công bố tại Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 21/9/2022.	
89	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	UBND cấp huyện	UBND cấp xã

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
90	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp		
91	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng		
92	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh		
93	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
94	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng		
95	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện		
96	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện		
97	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện		
	Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội (UBND cấp huyện)	Công bố tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 02/04/2018.	
98	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	UBND cấp huyện	UBND cấp xã
	Lĩnh vực Trẻ em (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)	Công bố tại Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 06/7/2022.	
99	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- Cơ quan lao động - thương binh và xã hội các

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			cấp. - cơ quan công an các cấp. - Ủy ban nhân dân cấp xã. - người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã.
100	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- UBND cấp huyện; UBND cấp xã.
	DANH MỤC NHÓM TTHC LIÊN THÔNG: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí trên địa bàn tỉnh quảng ngãi	*Công bố tại:* Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 24/5/2019. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã.	
101	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	UBND cấp xã.	Bảo hiểm xã hội cấp huyện.
102	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần	- UBND cấp xã. - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
103	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	- UBND cấp xã. - UBND cấp huyện.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
104	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm	- UBND cấp xã. - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	2007		
105	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Quyết định số 150/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh cựu chiến binh	- UBND cấp xã. - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
106	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	- UBND cấp xã. - UBND tỉnh.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
107	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	- UBND cấp xã. - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
108	Liên thông đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	UBND cấp xã.	Bảo hiểm xã hội cấp huyện.
109	Liên thông đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần	- UBND cấp xã. - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
110	Liên thông đăng ký khai tử, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	- UBND cấp xã. - UBND cấp huyện.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
111	Liên thông đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng	- UBND cấp xã.	Phòng Lao động - Thương

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	binh và Xã hội.
112	Liên thông đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Quyết định số 150/2006/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh cựu chiến binh	- UBND cấp xã. - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
113	Liên thông đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	- UBND cấp xã. - UBND tỉnh.	- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
114	Liên thông đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	- UBND cấp xã. - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.
	DANH MỤC TTHC LIÊN THÔNG: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi trên địa bàn tỉnh quảng ngãi	*Công bố tại:* Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 15/10/2019. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã.	
115	Liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo	- UBND cấp xã.	- Công an cấp xã.

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	- Bảo hiểm xã hội cấp huyện.	- Công an thành phố Quảng Ngãi.
116	Liên thông đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	UBND cấp xã.	Bảo hiểm xã hội cấp huyện.

DANH MỤC

Thủ tục hành chính, nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Công văn số 89 /VP-TTHC ngày 16 /01/2023 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh)

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	SỞ NỘI VỤ		
	Lĩnh vực tổ chức - biên chế	*Công bố tại:* Quyết định số 1377/QD-UBND ngày 09/9/2021. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
1	Thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nội vụ.	Văn phòng UBND tỉnh.
2	Thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		
3	Thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		
4	Thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		
5	Thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		
6	Thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		
	Lĩnh vực tổ chức phi chính phủ	*Công bố tại:* Quyết định số 1377/QD-UBND ngày	

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		09/9/2021. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
7	Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ (Cấp tỉnh)	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nội vụ.	Văn phòng UBND tỉnh.
8	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ hoạt động có thời hạn (Cấp tỉnh)		
9	Tự giải thể quỹ (Cấp tỉnh)		
10	Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ (Cấp tỉnh)		
11	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (Cấp tỉnh)		
12	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ (Cấp tỉnh)		
13	Đổi tên quỹ cấp tỉnh		
14	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (Cấp tỉnh)		
15	Hợp nhất, sát nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ		
16	Cho phép thành lập hội quần chúng cấp tỉnh, cấp huyện		
17	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện		
18	Đổi tên hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện		
19	Xin phép đặt văn phòng đại diện của hội có phạm vi hoạt động trong cả nước		

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
20	Phê duyệt Điều lệ hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh		
21	Tự giải thể đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện		
	Lĩnh vực thi đua - khen thưởng	*Công bố tại:* Quyết định số 2266/QĐ-UBND ngày 10/12/2018. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
22	Tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh	- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nội vụ.	Văn phòng UBND tỉnh.
23	Tặng Cờ thi đua cấp tỉnh		
24	Tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh		
25	Tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc		
26	Tặng thưởng Bằng khen tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề		
27	Tặng Cờ thi đua cấp tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề		
28	Tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đột xuất		
29	Tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh cho gia đình		
30	Tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đối ngoại		
	Lĩnh vực công chức, viên chức	*Công bố tại:* Quyết định số: 1377/QD-UBND ngày 09/9/2021, 1362/QĐ-UBND ngày 05/10/2022. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi.	
31	Thủ tục thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	- Cơ quan quyết định: Sở ban ngành và UBND cấp huyện.	Văn phòng UBND tỉnh.
32	Thủ tục tiếp nhận vào làm viên chức		
33	Thủ tục xét tuyển viên chức		

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
34	Thủ tục thi tuyển viên chức	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nội vụ.	
35	Thủ tục thi nâng ngạch công chức		
36	Thủ tục tiếp nhận vào làm công chức		
37	Thủ tục xét tuyển công chức		
38	Thủ tục thi tuyển công chức		
	Lĩnh vực tôn giáo chính phủ	*Công bố tại:* Quyết định 582/QĐ-UBND ngày 12/4/2018. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
39	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nội vụ.	Văn phòng UBND tỉnh.
40	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh		
41	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh		
42	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương		
43	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức		
44	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh		
45	Thủ tục đăng ký thuyên chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích		

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
46	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam		
47	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh		
48	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh		
49	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh		
50	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc		
	SỞ TƯ PHÁP		
	Lĩnh vực công chứng	*Công bố tại:* Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 29/9/2021. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
51	Thành lập Văn phòng công chứng	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Sở Nội vụ.
52	Hợp nhất Văn phòng công chứng		
53	Sáp nhập Văn phòng công chứng		
54	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng		
55	Thành lập Hội công chứng viên		
	Lĩnh vực giám định tư pháp	*Công bố tại:* Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 29/9/2021.	

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết: Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
56	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Các sở, ban ngành.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Sở Nội vụ. - Sở Tư pháp.
57	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp cấp tỉnh		
58	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh		
59	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Sở Nội vụ.
60	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp		
61	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp		
	Lĩnh vực nuôi con nuôi	*Công bố tại:* Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 29/9/2021. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
62	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp.	Văn phòng UBND tỉnh
63	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi		
	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	*Công bố tại:* Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 30/9/2022. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
	Lĩnh vực đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển		

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	chính thức		
64	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các sở, ban ngành.
65	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án		
66	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng		
67	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm		
	Lĩnh vực đấu thầu		
68	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)	- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các sở, ban ngành.
	Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn		
69	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ (cấp tỉnh)	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các sở, ban ngành.
	Lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư	*Công bố tại:* Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 08/10/2021. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ	

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		- Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
70	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất		
71	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất		
72	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất		
73	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất		
	Lĩnh vực đầu tư	*Công bố tại:* Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 08/10/2021. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
74	Chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh		
75	Điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh		
76	Chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh		
77	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		
78	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh		
79	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh		

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
80	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh		
81	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh		
82	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh		
83	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của Tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)		
84	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
	Lĩnh vực lâm nghiệp	*Công bố tại:* Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 01/8/2019; Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 14/10/2020; Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 19/3/2020. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
85	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Cơ quan quyết định:	- Văn phòng UBND tỉnh.

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	quyết định thành lập	UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
86	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)		
87	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh		
88	Phê duyệt, điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)		
89	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý		
90	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh		
91	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác		
92	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi.		
93	Miễn giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh).		
	Lĩnh vực thủy lợi	*Công bố tại:* Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 01/8/2019. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
94	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Văn phòng UBND tỉnh.
95	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		
96	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		
97	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		
98	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		
99	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		
100	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh		
101	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
102	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		
103	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		
104	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		
105	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		
106	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý		
107	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý		
108	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh		
109	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh		
110	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình,		

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh		
111	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh		
112	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh		
	Lĩnh vực phòng, chống thiên tai	*Công bố tại:* Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
113	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Văn phòng UBND tỉnh.
114	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ.		
115	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ.		
	Lĩnh vực thủy sản	*Công bố tại: Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 01/8/2019.* *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
116	Công bố mở cảng cá loại 2	- Cơ quan quyết định:	Văn phòng UBND tỉnh.

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
117	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
118	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)		
119	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá.		
	Lĩnh vực nông nghiệp	*Công bố tại:* Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 01/8/2019. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
120	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Văn phòng UBND tỉnh.
	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	*Công bố tại:* Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
121	Công nhận làng nghề truyền thống.	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Văn phòng UBND tỉnh.
122	Công nhận nghề truyền thống.		
123	Công nhận làng nghề.		
124	Bố trí ổn định dân cư ngoài tỉnh.		
125	Hỗ trợ dự án liên kết.		

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Lĩnh vực xây dựng	*Công bố tại:* Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 15/02/2022. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
126	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Văn phòng UBND tỉnh.
	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI		
	Lĩnh vực tài chính ngân hàng	*Công bố tại:* Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 16/8/2022. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
127	Hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài chính.
	Lĩnh vực đường thủy nội địa	*Công bố tại:* Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 16/8/2022. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
128	Thủ tục công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia,	- Cơ quan quyết định:	Văn phòng UBND tỉnh

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.	
129	Thủ tục công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng		
130	Thủ tục công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát		
131	Thủ tục đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát		
132	Thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng/điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng		
	SỞ XÂY DỰNG	*Công bố tại:* Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 06/8/2021. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
	Lĩnh vực quy hoạch xây dựng		
133	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
134	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh		

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
135	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh		
136	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc đầu tư		
137	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh		
138	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)		
	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	*Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
	Lĩnh vực đất đai	*Công bố tại:* Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 02/8/2017.	
139	Thủ tục chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
140	Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
141	Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển	- Cơ quan quyết định:	- Văn phòng UBND tỉnh.

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.	UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
142	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
143	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
144	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
145	Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
146	Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	- Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	nước có liên quan.
147	Thủ tục gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
148	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
149	Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	- Cơ quan quyết định: UBND cấp tỉnh hoặc Sở TNMT (đối tượng là tổ chức). - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường (đối tượng là tổ chức).	- Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh (đối tượng là tổ chức). - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
150	Thủ tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý		
151	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu		
152	Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu		
153	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất		

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
154	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp		
155	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm		
	Lĩnh vực môi trường	*Công bố tại:* Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 29/3/2022.	
156	Cấp giấy phép môi trường	- Cơ quan quyết định cấp phép: UBND tỉnh. - Cơ quan được uỷ quyền thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
157	Cấp đổi giấy phép môi trường		
158	Cấp điều chỉnhgiấy phép môi trường		
159	Cấp lại giấy phépmôi trường		
160	Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ		
161	Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học		
162	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại		
163	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP)		
	Lĩnh vực khoáng sản	*Công bố tại:* Quyết định số 1882/QĐ-UBND ngày 26/11/2021; Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 13/11/2017.	
164	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép	- Cơ quan quyết định:	- Văn phòng UBND tỉnh.

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (cấp tỉnh)	UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
165	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)		
166	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)		
167	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)		
168	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản		
169	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		
170	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		
171	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		
172	Đóng cửa mỏ khoáng sản		
	Lĩnh vực biển và hải đảo	*Công bố tại:* Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 31/5/2021.	
173	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
174	Giao khu vực biển		
175	Gia hạn quyết định giao khu vực biển		
176	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển		
177	Trả lại khu vực biển		
	Lĩnh vực biển và hải đảo (nhận chìm)	*Công bố tại:* Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 29/8/2017.	
178	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển	- Cơ quan quyết định:	- Văn phòng UBND tỉnh.

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
179	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
180	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển		
181	Trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển		
182	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển		
	Lĩnh vực biển và hải đảo (thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu)	*Công bố tại:* Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 14/12/2021.	
183	Thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	- *Công bố tại:* Quyết định số: 1741/QĐ-UBND ngày 14/11/2019; 2196/QĐ-UBND ngày 28/12/2021; 2246/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 728/QĐ-UBND ngày 07/6/2022; 1230/QĐ-UBND ngày 09/9/2022. - *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
	Lĩnh vực việc làm		
184	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Văn phòng UBND tỉnh.
185	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài		
186	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		
187	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt		

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	động dịch vụ việc làm		
188	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		
189	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		
190	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		
191	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp (đối với đơn vị do tỉnh quản lý)	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Bảo hiểm xã hội tỉnh
192	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho lao động quay trở lại thị trường lao động (đối với đơn vị do tỉnh quản lý)		
193	Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động do đại dịch COVID-19	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Bảo hiểm xã hội tỉnh
	Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội		
194	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Văn phòng UBND tỉnh.
195	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		
196	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		
197	Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		
198	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân		
	Lĩnh vực lao động - tiền lương	*Công bố tại:* Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 14/11/2019; Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày	

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		28/12/2021.	
199	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Văn phòng UBND tỉnh.
200	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III		
201	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể		
202	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể		
203	Cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động		
204	Gia hạn giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động		
205	Cấp lại giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động		
206	Thu hồi giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động		
207	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động		
	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	*Công bố tại:* Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 07/6/2022; Quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 24/8/2022.	
208	Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở	Văn phòng UBND tỉnh.
209	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng		

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lao động - Thương binh và Xã hội.	
210	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		
211	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục		
212	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục		
213	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn		
214	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
215	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
216	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
217	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
218	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề		

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận		
219	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
220	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài		
221	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài		
222	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
223	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		
224	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận		
	Lĩnh vực người có công	*Công bố tại:* Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 28/12/2021.	
225	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia	- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Văn phòng UBND tỉnh.

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	- *Công bố tại:* Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 23/11/2018. - *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ		
226	Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.	Văn phòng UBND tỉnh.
227	Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu		
228	Mua sáng chế, sáng kiến		
229	Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ		
230	Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ		
231	Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ		
232	Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ		
233	Đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.	Văn phòng UBND tỉnh.

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	Lĩnh vực quản lý công sản	*Công bố tại:* Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 30/6/2020. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
234	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp	- Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.	Văn phòng UBND tỉnh.
235	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ		
	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	*Công bố tại:* Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 19/11/2020. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
	Lĩnh vực giáo dục trung học		
236	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Sở Nội vụ, Sở Tài Chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư ...
237	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông		
238	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)		
239	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác		
240	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục		
241	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên		

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
242	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên		
	Lĩnh vực giáo dục dân tộc		
243	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo.	- Văn phòng UBND tỉnh. - Sở Nội vụ, Sở Tài Chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư ...
244	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)		
245	Sáp nhập, chia tách trường phổ thông dân tộc nội trú		
246	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân		
247	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ		
	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân		
248	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia		
249	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia		
250	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia		
251	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên		
252	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh		
253	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số		
	Lĩnh vực quy chế thi, tuyển sinh		
254	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở	- Văn phòng UBND tỉnh; - Sở Nội vụ; - Ban Dân tộc tỉnh;

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		Giáo dục và Đào tạo.	- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; - Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Sở Tài chính; - Mặt trận Tổ quốc tỉnh; - Các sở, ban, ngành có liên quan đến lĩnh vực dự kiến xét tuyển.
	Lĩnh vực đào tạo với nước ngoài		
255	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo.	Văn phòng UBND tỉnh.
256	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		
257	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		
258	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		
	SỞ Y TẾ		
	Lĩnh vực tổ chức cán bộ	*Công bố tại:* Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 10/10/2022. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Trung tâm Phục vụ	

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		- Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi.	
259	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Cơ quan thực hiện: Sở Y tế. - Cơ quan quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	Sở Tư pháp.
260	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		
	BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ DUNG QUẤT VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP QUẢNG NGÃI	*Công bố tại:* Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 10/9/2021. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Tại Bộ phận Một cửa của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi.	
	Lĩnh vực đầu tư		
261	Chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn (Dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư)	- Cơ quan quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi.	Các sở, ngành địa phương.
262	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh.		
263	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư.		
264	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm.		
265	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư.		
266	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế.		

Stt	Tên TTHC/nhóm TTHC liên thông	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
267	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp.		
268	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh.		
269	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).		
270	Thủ tục điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư.		
	DANH MỤC NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG: ĐĂNG KÝ KHAI TỬ, XÓA ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ, HƯỞNG CHẾ ĐỘ TỬ TUẤT/HỖ TRỢ CHI PHÍ MAI TÁNG/ HƯỞNG MAI TÁNG PHÍ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI	*Công bố tại:* Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 24/5/2019. *Nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết:* Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã.	
271	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú	UBND cấp xã.	Công an cấp xã.

Phụ lục

Danh mục thủ tục hành chính phát sinh hồ sơ trực tuyến

thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi năm 2022

(Kèm theo Công văn số 83 /VP-TTHC ngày 16 /01/2023 của Văn phòng UBND tỉnh)

Stt	Tên thủ tục hành chính	DVCTT toàn trình (mức 4)	
		Số lượng hồ sơ không trực tuyến (trực tiếp, bưu chính)	Số lượng hồ sơ trực tuyến
	Tổng cộng: 5506 hồ sơ	3722	1784
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	6	2
2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	231	239
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	90	95
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	44	31
5	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	267	126
6	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	12	8
7	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	97	56
8	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	363	20
9	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	221	95
10	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	39	18

Stt	Tên thủ tục hành chính	DVCTT toàn trình (mức 4)	
		Số lượng hồ sơ không trực tuyến (trực tiếp, bưu chính)	Số lượng hồ sơ trực tuyến
11	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	0	1
12	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	4	3
13	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	986	311
14	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	4	1
15	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	128	37
16	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	28	84
17	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	1	0
18	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực	1	0

Stt	Tên thủ tục hành chính	DVCTT toàn trình (mức 4)	
		Số lượng hồ sơ không trực tuyến (trực tiếp, bưu chính)	Số lượng hồ sơ trực tuyến
	thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính		
19	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	60	256
20	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	1	0
21	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	59	26
22	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	1	0
23	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	0	1
24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	1	0
25	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	5	2
26	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	2	0

Stt	Tên thủ tục hành chính	DVCTT toàn trình (mức 4)	
		Số lượng hồ sơ không trực tuyến (trực tiếp, bưu chính)	Số lượng hồ sơ trực tuyến
27	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	18	9
28	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	14	10
29	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	25	5
30	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	370	82
31	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	345	148
32	Giải thể doanh nghiệp	110	48
33	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	103	44
34	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	80	19
35	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	0	1
36	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	4	5
37	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	2	1

Phụ lục

Danh mục TTHC có phát sinh hồ sơ giao dịch thanh toán trực tuyến

Kèm theo Công văn số 85 /VP-TTHC ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Stt	Tên thủ tục hành chính	Trực tiếp	Trực tuyến	Thanh toán trực tuyến
1	Cấp lại Thẻ công chứng viên	0	1	1
2	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	11	1	1
3	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	16	3	4
4	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	2	1	3
5	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	1891	1774	1811
6	Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1	4670	70	20
7	Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	0	6	2
8	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	2	11	5
9	Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	50	19	13
10	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	13	0	13
11	Cấp giấy phép môi trường	36	32	8
12	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Cấp tỉnh)	1	35	15
13	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	446	272	6
14	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	5	3	3
15	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	26	1	2
16	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	33	3613	366
17	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	25	3	2
18	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	41	10	3
19	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	2	14	4
20	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	211	448	220
21	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	11	41	8
22	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	11	94	22
23	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	15	2	10

24	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ	1	15	16
25	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1	16	17
26	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở y tế	42	15	37
27	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	5	1	5
28	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	191	32	64
29	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	8	1	2
30	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP)	80	28	28
31	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	10	2	2
32	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	8	12	4
33	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (cấp địa phương)	0	5	2
34	Thủ tục cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	38	30	16
35	Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	9	1	1
36	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	0	1	1
37	Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	7	2	1
38	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	0	1	1
39	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	0	5	1
40	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	4	8	2
41	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2	1	1
42	Cấp giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	11	6	6
43	Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	0	3	4
44	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	16	3	1
45	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	9	1	1
46	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	5	1	3
47	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	167	13	48
48	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	0	23	6
49	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	0	11	5
50	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	0	17	10

51	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	0	21	14
52	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	0	46	19
53	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III	0	26	18
54	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)	0	1	1
55	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	1	5	2
56	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	3	25	3
57	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	1450	296	2
58	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)	4913	789	21
59	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	3980	581	12
60	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	82	5	1
61	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	17	2	1
62	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	22	19	5
63	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	4670	1174	20
64	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	1338	145	21
65	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	6	3	1
66	Thủ tục đăng ký kết hôn	6594	631	2
67	Thủ tục đăng ký khai sinh	10278	1482	2
68	Thủ tục đăng ký khai tử	7629	906	8
69	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	5370	544	5
70	Thủ tục đăng ký lại khai tử	195	20	5
71	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	26	0	6
72	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	51	0	3
73	Cấp giấy phép môi trường (cấp Huyện)	17	32	3
74	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	12078	0	3
75	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	0	3	3
76	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	3	0	3
77	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	5	0	2
78	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	2	0	1
79	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	1	0	1
80	Bổ nhiệm lại công chứng viên	0	1	1
81	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	3	1	1

82	Cấp giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1	0	1
83	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	1	0	1
84	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	1	0	1
85	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	0	1	1
86	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	33	0	1
87	Thủ tục chứng thực di chúc	89	0	1
88	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	899	15	1
89	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	1	0	1
90	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	2616	1	1
91	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	1	0	1
92	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	0	1	1
93	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	6	2	2
94	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	231	239	239
95	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	90	95	95
96	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	44	31	31
97	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	267	126	126
98	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	12	8	8
99	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	97	56	56
100	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	363	20	20
101	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	221	95	95
102	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	39	18	18
103	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	0	1	1
104	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	4	3	3
105	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	986	311	311
106	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	4	1	1
107	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	128	37	37
108	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	0	1	1
109	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	5	2	2
110	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	18	9	9
111	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	14	10	10

112	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	25	5	5
113	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	370	82	82
114	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	80	19	19
115	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	0	1	1
	Tổng cộng	**73512**	**14656**	**4200**
			88168	0.0238

Phụ lục

DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH CÓ PHÁT SINH HỒ SƠ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số 83 /VP-TTHC ngày 16 /01/2023 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh)

Stt	Lĩnh vực	Tên dịch vụ công trực tuyến	Không trực tuyến	Trực tuyến
1	Lý lịch tư pháp	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	1891	1774
2		Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1	4670	70
3		Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp số 2	936	17
4	Đất đai	Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (Cấp tỉnh - trường hợp đã thành lập VP đăng ký đất đai)	0	6
5	Thuỷ sản	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	575	122
6		Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	119	112
7		Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	13	31
8		Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	328	97
9	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng	1	1
10		Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	2	4

11	Hội nghị, hội thảo quốc tế	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	0	2
12		Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	0	1
13		Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ.	0	3
14		Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	0	1
15	Xuất nhập cảnh (S)	Cấp phép sử dụng thẻ doanh nhân APEC	3	3
16	Việc làm	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	211	448
17		Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	11	41
18		Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	11	94
19	Y tế dự phòng và môi trường	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	12	1
20	Dược phẩm, Mỹ phẩm	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	28	4
21	Dịch vụ du lịch	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	0	1
22	Du Lịch	Thủ tục Hỗ trợ hướng dẫn viên du lịch bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19	4	2
23	Lữ hành (S)	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	10	2
24	Nghệ thuật biểu diễn (S)	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	1	1

25		Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	8	12
26	Xuất bản, in và phát hành	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (cấp địa phương)	0	5
27		Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm (cấp địa phương)	0	1
28		Thủ tục cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	38	30
29	Báo chí	Cấp giấy phép xuất bản bản tin	11	9
30		Cho phép họp báo (trong nước)	1	1
31	Hoạt động khoa học và công nghệ (S)	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	0	1
32	An toàn bức xạ hạt nhân	Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	9	1
33		Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	7	2
34	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (S)	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ	0	12
35	Hoạt động khoa học và công nghệ (S)	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	0	1
36	Đường bộ	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	136	26
37		Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	0	5

38		Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	1251	40
39		Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	1247	179
40		Đăng ký khai thác tuyến	0	2
41	Hệ thống văn bằng, chứng chỉ (S)	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	238	135
42		Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	2	1
43	Giáo dục trung học	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	111	3
44	An toàn thực phẩm	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	9	5
45		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	4	8
46	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	11	6
47		Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	0	3
48		Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	16	3
49		Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	0	1
50		Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	1	25

51	Quản lý cạnh tranh	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	0	1
52		Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	4	2
53	Xúc tiến thương mại	Thông báo hoạt động khuyến mại	1817	17350
54		Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	366	1025
55	Cấp chứng chỉ năng lực và chứng chỉ hành nghề	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	167	13
56		Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	18	1
57		Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)	17	7
58		Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III	48	7
59		Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	8	6
60		Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	74	1
61		Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)	63	1
62				
63	Xây dựng	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, III	0	80
64		Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	0	23
65		Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	0	11
66		Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	0	17
67		Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	0	21
68		Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	0	46

69		Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III	0	26
70		Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)	0	1
71		Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (cấp tỉnh)	1	14
72		Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	22	3
73		Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)	0	1
74		Thủ tục cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	4	2
75		Thủ tục cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	6	2
76		Thủ tục cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	5	1
77		Thủ tục cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	6	2
78		Thủ tục cấp/cấp lại (trường hợp CCHN hết hạn sử dụng)/cấp chuyển đổi/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng	0	12

79		Thủ tục cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng; tổ chức kiểm định xây dựng; tổ chức quản lý, thẩm tra chi phí đầu tư xây dựng	0	1
80		Thủ tục gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	6	2
81		Thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	35	36
82	Vật liệu xây dựng	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	1	5
83		Thủ tục tiếp nhận công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	6	1
84	Hoạt động xây dựng	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	3	25
85	Quy hoạch - kiến trúc	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	0	3
86		Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	3	3
87	Hệ thống văn bằng, chứng chỉ	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	0	1
88	Hộ tịch (huyện)	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	22	19
89		Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	6	3
90	Văn hóa cơ sở	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	6	3
91	Việc làm	Hỗ trợ hộ kinh doanh gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	0	2

92	Hộ tich (XP)	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch	11220	2486
93		Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	16459	1566
94	Tin học - Thống kê	Cấp mã số quan hệ ngân sách		1185
95	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	6	2
96		Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	231	239
97		Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	90	95
98		Đăng ký thành lập công ty cổ phần	44	31
99		Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	267	126
100		Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	12	8
101		Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	97	56
102		Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	363	20
103		Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	221	95
104		Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	39	18
105		Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	0	1
106		Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	4	3
107		Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	986	311

108		Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	4	1
109		Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	128	37
110		Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	28	84
111		Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	1	0
112		Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	1	0
113		Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	60	256
114		Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	1	0

115		Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	59	26
116		Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	1	0
117		Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	0	1
118		Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	1	0
119		Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	5	2
120		Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	2	0
121		Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	18	9
122		Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	14	10
123		Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	25	5
124		Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	370	82

125		Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	345	148
126		Giải thể doanh nghiệp	110	48
127		Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	103	44
128		Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	80	19
129		Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	0	1
130		Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	4	5
131		Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	2	1
132	Xuất nhập khẩu	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu D	0	25
133	Quy chế thi, tuyển sinh thực hiện trên Hệ thống: http://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	0	12970
Tổng cộng			**42,319**	**42,151**